

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 19/2024/TLST – KDTM ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (viết tắt là Ngân hàng).

Trụ sở: Số G T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Quang H – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc B – Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh H1. Theo văn bản ủy quyền số 07/2022/VBUQ-SHB ngày 10/01/2022.

Đại diện theo ủy quyền lại:

Ông Nguyễn Bá L – Chuyên viên bán nợ và xử lý tài sản nợ.

Ông Nguyễn Đông Đ – Giám đốc Phòng G.

Ông Đỗ Mạnh C – Nhân viên Quan hệ khách hàng cá nhân.

Theo Giấy ủy quyền số 41/UQ-SHB ngày 12/12/2022.

Bị đơn: Bà Phạm Thị B1, sinh năm 1963.

Đại diện theo ủy quyền của bà B1: Chị Phạm Thị B2, sinh năm: 1984. Theo Giấy ủy quyền ngày 29/7/2024.

Đều có địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Phạm Thị B1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 178/2021/HĐTDNH-CN/SHB.110500 ngày 27/10/2021 tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/7/2024 là 7.525.425.568 đồng (Bảy tỷ, năm trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng), bao gồm:

- Nợ gốc là 5.700.000.000 đồng (năm tỷ bảy trăm triệu đồng).
- Nợ lãi trong hạn: 2.786.096 đồng (hai triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn không trăm chín mươi sáu đồng)
- Nợ lãi quá hạn: 1.783.155.265 đồng (một tỷ, bảy trăm tám mươi ba triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm sáu mươi lăm đồng)
- Lãi phạt chậm trả: 39.484.207 đồng (ba mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi tư nghìn, hai trăm linh bảy đồng).

Kể từ ngày 31/7/2024, bà Phạm Thị B1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.2. Phương án trả nợ:

- Chậm nhất đến 01/9/2024, bà B1 có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).
- Chậm nhất đến 01/10/2024, bà B1 có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).
- Chậm nhất đến 01/11/2024, bà B1 có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).
- Chậm nhất đến 01/12/2024, bà B1 có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).
- Chậm nhất đến 01/01/2025, bà B1 có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Số nợ còn lại bà Phạm Thị B1 có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng trong tháng 02/2025.

Khi bà Phạm Thị B1 thanh toán hết toàn bộ nợ gốc cho Ngân hàng theo phương án nêu trên, Ngân hàng sẽ xem xét miễn giảm một phần lãi vay cho bà B1.

2.3. Trường hợp bà Phạm Thị B1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện không đúng theo lịch trình trả nợ nêu trên, Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 36, tờ bản đồ số 20, diện tích 570 m² tại thôn C, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 234708 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 06/6/2014 mang tên Phạm Thị B1 để thu hồi toàn bộ nợ của Ngân hàng, trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ nghĩa vụ thanh toán thì bà B1 vẫn phải thanh toán khoản nợ còn lại cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

2.4. Về án phí: Bà Phạm Thị B1 phải chịu 57.763.000 đồng (Năm mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 57.055.000 đồng (năm mươi bảy triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do chị Đặng Minh P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003790 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Văn Mười